

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/DS-ST

Ngày: 29/6/2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Ân

2. Ông Lê Thành Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 56/2020/TLST-DS, ngày 05/3/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2020/QĐXXST-DS ngày 26/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2020/QĐST-DS ngày 11/6/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số 571, ấp 2, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre

Bà Trần Thị Thanh T ủy quyền tham gia tố tụng cho anh Trần Xuân K, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp 2 (B), xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre

(Theo giấy ủy quyền ngày 16/5/2020)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1977

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre

Anh K có mặt; bà Đ, ông T1 vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Trần Xuân K trình bày:

Do có quen biết và có quan hệ làm ăn với nhau nên vào tháng 5/2019 bà Trần Thị Thanh T có cho bà Đ vay số tiền 94.500.000 đồng, bà Đ có viết giấy vay tiền cho bà T, mục đích vay là chi tiêu sinh hoạt gia đình.

Từ lúc mượn tiền của bà T, bà Đ cam kết 5 tháng sau trả (tức 15/10/2019) phải trả nhưng đến nay không trả, mặc dù bà T có nhiều lần thương lượng và có đến nhà, gọi điện yêu cầu trả nhưng bà Đ cứ hẹn lần, hẹn lượt và cũng không thực

hiện được.

Bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn T1 là vợ chồng hợp pháp, bà Đ vay tiền của bà T nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình, ông T1 biết việc bà Đ vay tiền của bà T.

Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn T1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền nợ vay là 94.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn bà Nguyễn Thị Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 đến để tiến hành hòa giải nhưng bà Đ, ông T1 vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay,

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T; Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

- Bà Trần Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn T1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền nợ vay là 94.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Đây là tranh chấp giữa cá nhân với cá nhân không có đăng ký kinh doanh nên được xác định là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 có địa chỉ tại ấp 2, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre. Do đó, Tòa án nhân dân huyện G thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn T1.

[2] Về nội dung:

Bà Trần Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn T1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền nợ vay là 94.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là “Giấy không tiêu đề ghi ngày 15/5/2019 có nội dung: Nguyễn Thị Đ có nợ chị T số tiền 94.500.000 đồng” do bà Nguyễn Thị Đ viết.

Căn cứ “Giấy không tiêu đề ghi ngày 15/5/2019 có nội dung: Nguyễn Thị Đ có nợ chị T số tiền 94.500.000 đồng” do bà Nguyễn Thị Đ viết nhận thấy, bà

Nguyễn Thị Đ có mượn bà Trần Thị Thanh T số tiền là 94.500.000 đồng, hai bên không có thỏa thuận thời hạn vay và không có thỏa thuận lãi suất. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo cho bà Nguyễn Thị Đ biết về việc bà Trần Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả số tiền 94.500.000 đồng. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Đ không đến Tòa án làm việc và cũng không có gửi bất kì văn bản nào trình bày ý kiến của mình cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bà Trần Thị Thanh T đưa ra. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không phải chứng minh.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định giữa bà Trần Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị Đ có xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản với số tiền là 94.500.000 đồng; đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có thỏa thuận lãi suất. Hợp đồng vay giữa các bên được giao kết trên cơ sở tự nguyện, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc, các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên đây được xem là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực pháp luật ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên.

Xét thấy, tuy là hợp đồng vay không kỳ hạn nhưng phía nguyên đơn cho rằng từ lúc mượn tiền, bà Đ cam kết 5 tháng sau trả (tức 15/10/2019) phải trả nhưng đến nay không trả, mặc dù bà T có nhiều lần thương lượng và có đến nhà, gọi điện yêu cầu trả nhưng bà Đ cứ hẹn lần lựa và cũng không thực hiện được. Như vậy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì bà T đã đảm bảo việc thông báo cho bị đơn biết trước một thời gian hợp lý theo quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 nên bà T có quyền đòi lại tài sản. Bà T đã nhiều lần yêu cầu bà Đ trả nợ nhưng bà Đ vẫn không thực hiện; việc bà Đ chậm thanh toán nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T nên việc bà T khởi kiện yêu cầu bà Đ trả số tiền vay 94.500.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét việc bà T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 94.500.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

* Về trách nhiệm liên đới:

Bà T yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Nguyễn Thị Đ trả cho bà T số nợ như đã nêu ở trên.

Căn cứ vào “Giấy không tiêu đề ghi ngày 15/5/2019” nhận thấy nội dung giấy này chỉ thể hiện bà Nguyễn Thị Đ thừa nhận có nợ bà T số tiền 94.500.000 đồng, không hề đề cập gì đến ông Nguyễn Văn T1 và ông T1 cũng không có ký tên vào giấy nhận nợ. Bà T cho rằng bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn T1 là vợ chồng hợp pháp, bà Đ vay tiền của bà T nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình, ông T1 biết việc bà Đ vay tiền của bà T nhưng bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên lời trình bày của bà T là không có cơ sở để xem xét. Do đó, việc bà T yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Nguyễn Thị Đ trả nợ cho bà T là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Từ những phân tích trên xét thấy việc bà Trần Thị Thanh T yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả số nợ 94.500.000 đồng là có cơ sở nhưng việc bà T yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 có trách nhiệm liên đới cùng bà Đ trả nợ là không có cơ sở nên yêu cầu khởi kiện của bà T chỉ được chấp nhận một phần. Buộc bà Nguyễn Thị Đ

có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Thanh T số tiền là 94.500.000 đồng.

[3] Về án phí:

- Do yêu cầu khởi kiện của bà T bị bác một phần về phần trách nhiệm liên đới nên bà T phải chịu án phí đối với phần yêu cầu bị bác theo quy định pháp luật là 300.000 đồng.

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T được chấp nhận một phần nên bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu được chấp nhận theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 là $94.500.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.725.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T đối với bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn T1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, cụ thể:

Buộc bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Thanh T số tiền 94.500.000 (chín mươi bốn triệu năm trăm nghìn) đồng.

Ghi nhận việc bà Trần Thị Thanh T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 2.362.500 đồng (hai triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0011372 ngày 04/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Chi cục Thi hành án dân sự huyện G hoàn lại cho bà Trần Thị Thanh T số tiền 2.062.500 đồng (hai triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 4.725.000 (bốn triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Nguyễn Yến Phương